

HOẠT ĐỘNG GIẢI CÁC BÀI TOÁN: QUAN NIỆM, VẬN DỤNG VÀ MỘT SỐ ĐỊNH HƯỚNG SỬ DỤNG

DƯƠNG HỮU TÔNG*

TÓM TẮT

Về mặt truyền thống, hoạt động giải các bài toán chỉ được tổ chức sau khi GV hình thành kiến thức mới. Nó được xem như là một công cụ để củng cố, luyện tập kiến thức mới vừa được dạy hay là một phương tiện để GV kiểm tra, đánh giá HS. Tuy nhiên, hoạt động giải các bài toán còn đóng vai trò quan trọng khác trong giảng dạy toán. Bài báo này làm rõ điều trên thông qua giới thiệu hoạt động giải bài toán với các chủ đề: quan niệm, một số vận dụng, các định hướng khi sử dụng.

Từ khóa: hoạt động giải bài toán, quan niệm, vận dụng, định hướng.

ABSTRACT

The activity of solving problems: concept, application and some usage orientation

Traditionally, the activity of solving problems is held only after teachers form new knowledge. It is seen as a tool to reinforce, practice new knowledge or a means for teachers to test and evaluate students. However, the activity of solving problems also plays another important role in teaching mathematics. This article clarifies that role through the introduction of the activity of solving problems with the following topics: conception, application, some usage orientation.

Keywords: the activity of solving problems, conception, application, orientation.

1. Quan niệm về hoạt động giải các bài toán

Hoạt động giải bài toán có thể được quan niệm khác nhau. Tuy nhiên, theo chúng tôi, hoạt động giải bài toán là một nhiệm vụ học tập cần thỏa mãn các điều kiện:

(1) Phù hợp với chương trình, mục tiêu, nội dung, phương pháp dạy học.

(2) Không quá dễ cũng không quá khó, tức là đòi hỏi HS không thể trả lời ngay tức khắc mà cần biết hệ thống lại kiến thức cũ mới có cơ hội giải quyết được vấn đề (các em cần tích cực suy nghĩ, hoạt động để biến đổi đối tượng hoặc điều chỉnh kiến thức sẵn có).

(3) Được trình bày sao cho mọi HS hiểu và cùng tham gia.

(4) Bản thân hoạt động giải bài toán hoặc kết hợp với các hoạt động khác hướng HS đến một trong các mục tiêu sau:

- Tạo động cơ.
- Đi đến kiến thức mới;
- Hình thành kỹ năng mới;
- Huy động những kiến thức đã học để tổ chức lại kiến thức này;
- Huy động những kiến thức đã được học để vận dụng những kiến thức vào đời sống thực tiễn,...

Những đặc trưng trên của hoạt động giải bài toán cho phép chúng tôi chỉ ra các yếu tố của quá trình dạy học thông qua hoạt động giải các bài toán theo bảng 1:

* NCS, Trường Đại học Sư phạm TP HCM

Bảng 1. Đặc trưng của dạy học thông qua hoạt động giải các bài toán

Các yếu tố của quá trình dạy học	Đặc trưng cơ bản
Giáo viên	Tự mình rời khỏi vị trí trung tâm, chỉ là người điều khiển, hướng dẫn, trọng tài, cố vấn cho HS kiến tạo kiến thức mới.
Học sinh	Là chủ thể của hoạt động giải các bài toán, thông qua đó các em tự mình kiến tạo kiến thức mới chứ không phải có được kiến thức từ SGK hay GV cung cấp.
Kiến thức	Do HS khám phá nên thông qua hoạt động giải các bài toán, không còn do GV truyền thụ trực tiếp.
Đánh giá	Hoạt động giải các bài toán mang lại cơ hội cho HS tự đánh giá mình hay các em đánh giá lẫn nhau kết hợp với nhận xét, đánh giá từ GV.

Với những đặc điểm trên, hoạt động giải bài toán góp phần mang lại phương pháp dạy học tích cực trong đó “lấy HS làm trung tâm”. Điều này cũng thể hiện được xu hướng dạy học mới trong giai đoạn hiện nay.

2. Một số vận dụng hoạt động giải các bài toán vào dạy học chủ đề phân số trong SGK Toán 4

2.1. Vận dụng hoạt động giải các bài toán vào bài “RÚT GỌN PHÂN SỐ” [3, tr.112]

a) *Nhận xét:* Thực tế chỉ ra rằng nhiều HS cảm thấy chưa hài lòng với vấn đề tìm hiểu vấn đề mới. Họ bị GV “ép” phải học kiến thức này, kiến thức kia mà chưa thấy được sự cần thiết để có kiến thức mới này. Do đó, vấn đề ở đây là cần làm sao cho HS cảm thấy có nhu cầu nhận thức vấn đề hay nói khác đi là HS phải có hứng thú học tập bài mới. Một trong những giải pháp chúng tôi chọn là nêu lên các bài toán gợi động cơ.

Từ phân tích SGK, chúng tôi nhận thấy sau khi dạy học các tính chất cơ bản

của phân số, SGK đưa ra bài “rút gọn phân số” mà chưa cho HS thấy được sự cần thiết phải học bài này. Do đó, chúng tôi nghĩ đến hoạt động giải toán sao cho vừa giúp các em củng cố kiến thức cũ vừa gợi động cơ cho các em tìm kiếm tri thức mới.

b) *Biện pháp đề xuất:* Sau đây chúng tôi đưa ra hoạt động với mục tiêu trên.

Hoạt động 1: “Rút gọn phân số”

Tình huống: An và Bình có những nhận xét khác nhau:

An: phân số $\frac{4}{6}$ và $\frac{60}{90}$ bằng nhau.

Bình: phân số $\frac{4}{6}$ và $\frac{60}{90}$ không

bằng nhau.

Em hãy đứng ra phân xử xem bạn nào đã có kết luận đúng.

(1) Để giải được bài toán ở trên chúng ta có thể tiến hành như sau:

(2) Làm cho cả tử số lẫn mẫu số của hai phân số bé đi:

$$\frac{4}{6} = \frac{4 : \square}{6 : \square} = \frac{2}{\square} ; \frac{60}{90} = \frac{60 : \square}{90 : \square} = \frac{\square}{3}$$

(3) Vậy hai phân số trên có bằng nhau không? Vì sao?

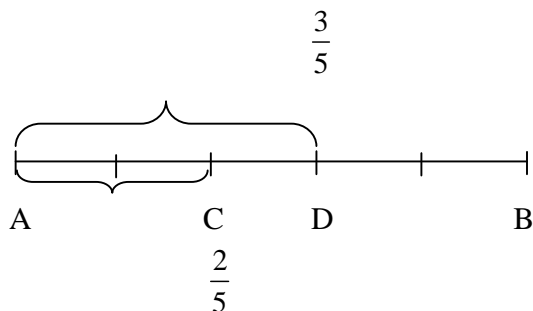
(4) Hoạt động ở bước 2 được gọi là rút gọn phân số. Vậy em hiểu như thế nào về rút gọn phân số?

2.2. Vận dụng hoạt động giải các bài toán vào bài “SO SÁNH HAI PHÂN SỐ CÙNG MẪU SỐ” [3, tr.119]

a) Nhận xét: SGK trình bày hình thành kiến thức mới phần này thông qua hoạt động:

“Ví dụ: So sánh hai phân số $\frac{2}{5}$ và $\frac{3}{5}$

Vẽ đoạn thẳng AB. Chia đoạn thẳng AB thành 5 phần bằng nhau. Độ dài đoạn thẳng AC bằng $\frac{2}{5}$ độ dài đoạn thẳng AB. Độ dài đoạn thẳng AD bằng $\frac{3}{5}$ độ dài đoạn thẳng AB.



Nhìn trên hình vẽ ta thấy: $\frac{2}{5} < \frac{3}{5}$;

$\frac{3}{5} > \frac{2}{5}$.”

Chúng tôi nhận thấy hoạt động đưa ra như thế chưa thỏa mãn được mong muốn tìm kiếm tri thức của một số em thông qua hoạt động giải quyết vấn đề. Các em không tìm thấy được tình huống nảy sinh nhu cầu so sánh hai phân số cùng mẫu số. Do đó, giải pháp chúng tôi

đưa ra ở đây là cho HS kiến tạo tri thức mới thông qua hoạt động giải bài toán bên dưới đây.

b) Biện pháp đề xuất:

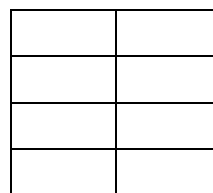
Hoạt động 2: “So sánh hai phân số cùng mẫu số”

(1) Bài toán: An ăn $\frac{3}{8}$ cái bánh,

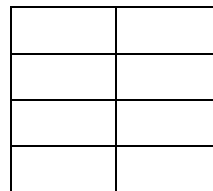
Bình ăn $\frac{5}{8}$ cái bánh đó. Ai ăn nhiều bánh hơn (Bài toán nảy sinh so sánh hai phân số cùng mẫu số). Để trả lời, có 2 cách như sau:

(2) Cách 1: Hình vẽ thể hiện số bánh An và Bình ăn:

- Hãy tô màu số bánh An ăn:



- Hãy tô màu số bánh Bình ăn:



Theo 2 hình vẽ: Ai ăn nhiều bánh nhiều hơn?

(3) Cách 2: Để biết ai ăn bánh nhiều hơn ta cần so sánh hai phân số

$\frac{3}{8}$ và $\frac{5}{8}$. Ta có thể làm theo các bước sau:

- So sánh tử số của hai phân số

$\frac{3}{8}$ và $\frac{5}{8}$: 3 ... 5

- Kết luận: $\frac{3}{8} < \frac{5}{8}$

(4) Kết luận của cách 2 có tương đồng với cách 1 không?

(5) Thử phát biểu quy tắc so sánh hai phân số cùng mẫu số:

2.3. Vận dụng hoạt động giải bài toán vào dạy học “Nhân phân số với một số tự nhiên”

a) Nhận xét: Hoạt động giới thiệu kiểu nhiệm vụ “Nhân phân số với một số tự nhiên” không được dạy học tường minh trong SGK. Tuy nhiên, nó được nhắc đến ngầm ẩn thông qua bài tập 1, [3, tr.133] như sau:

1) Tính (theo mẫu):
 Mẫu: $\frac{2}{9} \times 5 = \frac{2}{9} \times \frac{5}{1} = \frac{2 \times 5}{9 \times 1} = \frac{10}{9}$
 Ta có thể viết gọn như sau:
 $\frac{2}{9} \times 5 = \frac{2 \times 5}{9} = \frac{10}{9}$

Bài tập trên chỉ cho phép HS làm theo mẫu. Điều này sẽ khiến cho các em chưa thấy được bài toán nảy sinh vấn đề cũng như tại sao phải làm theo các bước được nêu ra. Do đó, GV cần tạo cơ hội HS tiếp cận với các bài toán như thế và hợp thức hóa các bước giải cho các em. Hay nói khác đi, hoạt động cho HS cơ hội khám phá kỹ năng mới.

b) Biện pháp đề xuất:

Một hoạt động giải bài toán cho phép làm nảy sinh bài toán nhân phân số với một số tự nhiên như sau:

Hoạt động 3: “Phép nhân phân số với số tự nhiên”

(1) Bài toán: Mỗi em học sinh ăn hết $\frac{1}{2}$ cái bánh. Hỏi 3 em ăn hết mấy phần cái bánh? (Bài toán nảy sinh phép

nhân phân số với một số tự nhiên). Để trả lời, có 2 cách như sau:

(2) Cách 1: Ta cần tính: $\frac{1}{2} \times 3$

- Hãy ghi lại phép tính như sau và

tính: $\frac{1}{2} \times 3 = \frac{1}{2} + \frac{1}{2} + \frac{1}{2} = \dots$

- Vậy 3 em ăn hết mấy phần cái bánh?

(3) Cách 2: Để biết 3 em ăn hết mấy phần cái bánh ta thực hiện phép nhân $\frac{1}{2}$ với 3. Ta có thể làm theo các bước sau:

- Ghi số 3 dưới dạng phân số có mẫu

số bằng 1: $3 = \frac{3}{1}$

- Phép tính có thể ghi lại và tính theo

quy tắc đã biết: $\frac{1}{2} \times 3 = \frac{1}{2} \times \frac{3}{1} = \dots$

(4) Kết luận của cách 2 có tương đồng với cách 1 không?

(5) Thử phát biểu quy tắc nhân phân số với một số tự nhiên:

2.4. Vận dụng hoạt động giải bài toán vào bài “Phép chia phân số”

a) Nhận xét:

Các em đã làm quen với phép chia hai số tự nhiên và phân số. Tuy nhiên, có sự khác biệt về kết quả của các phép tính này. Trong phép tính đối với số tự nhiên, “Thương của phép chia luôn luôn nhỏ hơn hoặc bằng số bị chia”. Nhưng nhận xét này không còn đúng cho phép tính đối với phân số.

SGK chưa làm rõ điểm không tương đồng trên cho các em biết. Điều này đôi khi dẫn đến quan niệm chưa chính xác của HS về thương của phép

chia. Để khắc phục điều này, chúng ta hãy nghĩ đến những hoạt động để HS cấu trúc lại các kiến thức cũ. Từ đó, các em có thêm cơ hội để ngăn ngừa và khắc phục các quan niệm chưa hoàn toàn đúng như vậy.

b) *Biện pháp đề xuất:*

Mục tiêu của hoạt động sau đây là để HS thay đổi quan niệm về thương của phép chia.

Hoạt động 4: “Thương của phép chia”

(1) Tính phép tính sau: $6 : 2 = \square$.

(2) Hãy so sánh: $6 \dots \square$

(3) Có thể đưa ra phát biểu gì từ kết quả trên?

(4) Tìm kết quả của các phép tính

sau: $\frac{2}{3} : \frac{8}{15} = \square$; $\frac{1}{2} : \frac{1}{4} = \bigcirc$.

(5) Hãy so sánh: $\frac{2}{3} \dots \square$; $\frac{1}{2} \dots \bigcirc$

(6) Có thể đưa ra nhận xét gì từ kết quả trên?

(7) Hãy đưa ra bình luận về tính đúng đắn của phát biểu ở bước (3).

3. Một số định hướng khi sử dụng hoạt động giải các bài toán trong giảng dạy Toán ở bậc Tiểu học

3.1. Sử dụng hoạt động giải các bài toán phụ thuộc vào đặc trưng của kiến thức, bài dạy cụ thể và thực tiễn dạy học

Trong dạy học toán, hoạt động giải các bài toán mang lại những hiệu quả thiết thực. Tuy nhiên, không phải vì vậy mà đối với kiến thức nào, hay bài học nào chúng ta cũng cố gắng thiết kế một hoạt động giải bài toán. Có những kiến thức HS đã quen biết trước đó hay kiến thức mới này đơn giản, GV không cần thiết phải tiến hành hoạt động giải các bài toán mà có thể thực hiện các hoạt động khác nhằm giúp các em gọi lại kiến thức.

Ví dụ. Một số tính chất của phân số cũng giống như các tính chất của số tự nhiên mà trẻ đã được học trước đó. Trong trường hợp này, GV không nên chọn hoạt động giải bài toán mà hãy tìm đến hoạt động “trưng tự” để giúp các em tìm lại kiến thức đã học trước đó. Bảng 2 gợi ra hình thức dạy học một cách tương tự cho chủ đề này.

Bảng 2. Sự giống nhau các tính chất của số tự nhiên và phân số

STT	Kiến thức nguồn	Kiến thức đích	Sự hợp lí	Mục tiêu sử dụng
1	Số tự nhiên: $a + b = b + a$	Phân số: $a + b = b + a$	Đúng	Dạy kiến thức mới
2	Số tự nhiên: $a + (b + c) = (a + b) + c$	Phân số: $a + (b + c) = (a + b) + c$	Đúng	Dạy kiến thức mới
3	Số tự nhiên: $a \times (b + c) = a \times b + a \times c$	Phân số: $a \times (b + c) = a \times b + a \times c$	Đúng	Dạy kiến thức mới

Chẳng hạn, đối với bài “LUYỆN TẬP” của SGK Toán 4 [3, tr.133] là một bài ôn tập. Nhưng SGK đã kết hợp lồng

ghép dạy “nhân phân số với một số tự nhiên” một cách không tường minh. Tuy nhiên, ở đây GV có thể linh hoạt để thiết

kế hoạch động giải bài toán để HS giải quyết tìm kiếm tri thức mới (hoạt động được nêu ra trong 2.3).

Hệ thống những hoạt động giải các bài toán phải phù hợp với mục tiêu, nội dung, phương pháp dạy học và thực tiễn giảng dạy phân số ở tiểu học.

Việc xây dựng hệ thống hoạt động giải các bài toán cho chủ đề phân số cần dựa trên cơ sở quán triệt đúng đắn mục tiêu đào tạo của nhà trường tiểu học, khai thác đúng mức độ nội dung chương trình và SGK toán, dựa vào các phương pháp dạy học truyền thống có tích hợp với các phương pháp tích cực, dựa trên thực tiễn giảng dạy phân số ở tiểu học. Hệ thống các hoạt động giải toán đảm bảo áp dụng được trong các tiết học cụ thể, đảm bảo điều kiện kinh tế, thuận tiện khi sử dụng, phù hợp với điều kiện của nhà trường tiểu học. Chỉ có dựa trên các cơ sở trên, các hoạt động được xây dựng mới có tính khả thi, góp phần nâng cao hiệu quả dạy học toán thông qua chủ đề phân số.

3.2. Hoạt động giải các bài toán được thiết kế sao cho phù hợp với đối tượng HS và có sự can thiệp của GV (nhưng ở mức độ hạn chế)

Hệ thống những hoạt động giải bài toán cho chủ đề phân số phải phù hợp với trình độ, năng lực, đặc điểm tâm sinh lí của HS, từ đó góp phần rèn luyện cho HS các thao tác tư duy cơ bản.

Các hoạt động giải bài toán được xây dựng cần phải tạo động cơ, gây hứng thú học tập cho HS, phải phù hợp với trình độ nhận thức và năng lực hoạt động của các em. Muốn được vậy, các hoạt động cần dựa trên đặc điểm tâm sinh lí

của người học, lôi cuốn HS vào các tình huống học tập. Từ đó, tính tích cực hoạt động tư duy và tính độc lập của các em được thực hiện, các năng lực trí tuệ được khơi gợi, thêm vào đó các năng lực tư duy cơ bản được rèn luyện như: phân tích, tổng hợp, so sánh, trừu tượng hóa, khái quát hóa,... hình thành cho các em phương pháp suy luận: quy nạp, suy diễn, tương tự,...

Trong quá trình dạy học, GV giữ vai trò chủ đạo tổ chức các hoạt động giải bài toán, các tình huống học tập, hướng dẫn HS giải quyết vấn đề, hợp thức hóa kiến thức mới trong vốn tri thức của HS. Trong khi đó, HS đóng vai trò chủ động tích cực hoạt động, tự giác tìm tòi, phát hiện và giải quyết vấn đề dưới sự hướng dẫn của GV. Vì vậy, hệ thống các hoạt động đề ra cần thỏa mãn tính tích cực chủ động, tự giác của HS dưới sự tư vấn, hướng dẫn từ phía GV nhưng ở mức độ vừa phải.

Tóm lại, quá trình thực hiện các hoạt động giải bài toán cần tạo điều kiện cho HS phát huy được năng lực hoạt động, tính tích cực, độc lập.

3.3. Tổ chức hoạt động giải các bài toán

GV có thể tổ chức hoạt động giải các bài toán theo các hình thức sau đây: cá nhân, nhóm đôi, nhóm (nhiều hơn hai HS).

Hình thức cho HS làm việc cá nhân cho phép GV kiểm tra được mối quan hệ cá nhân của HS đối với kiến thức được học. Hình thức này có ưu điểm là mọi HS trong lớp đều làm việc, khuyến khích tính tự giác của các em.

HS làm việc theo nhóm đôi cho phép các em giải quyết các vấn đề không phức tạp lắm. Trẻ thảo luận trong một thời gian ngắn để khám phá kiến thức. Đôi khi, hình thức này góp phần tạo nên hình tượng “đôi bạn cùng tiến”.

Trong khi đó, dạy học theo nhóm mang lại những hiệu quả đáng kể:

- Góp phần nâng cao tinh thần tự lực của HS: GV có thể giao nhiều công việc cho HS làm, mà bản thân GV không can thiệp nhiều vào quá trình HS làm việc.

- Tạo cơ hội để HS hòa nhập cộng đồng: Các em được tập lắng nghe ý kiến của người khác và mạnh dạn phát biểu ý kiến của riêng mình.

- HS có thêm điều kiện để nâng cao năng lực hợp tác: HS tập dượt xác định trách nhiệm của mình đối với công việc chung của nhóm, tập nhận xét ý kiến của người khác, tập điều chỉnh suy nghĩ của chính bản thân các em.

- Dạy học theo nhóm còn cho phép HS phát huy hết khả năng của mình, GV có cơ hội dạy học phân hóa một cách thuận tiện.

Hoạt động dạy học theo nhóm có thể được tiến hành các bước khác nhau nhưng về mặt cơ bản có thể theo quy trình bên dưới đây:

- Bước 1: Hình thành các nhóm (phân bố HS và chỗ ngồi).

- Bước 2: Cử nhóm trưởng (GV phân công hoặc nhóm bầu; luân phiên nhóm trưởng cho các hoạt động khác nhau).

- Bước 3: GV giao việc, HS nhận việc (có thể dùng phiếu học tập, hoặc dùng lời để nói rõ yêu cầu công việc và thời gian).

- Bước 4: Các nhóm làm việc: Nhóm trưởng điều khiển hoạt động của nhóm, mọi thành viên trong nhóm đều phải hoạt động; từng HS phải suy nghĩ, làm việc độc lập trước khi trao đổi và giúp đỡ lẫn nhau; GV theo dõi và giải đáp thắc mắc lúc cần thiết.

- Bước 5: Các nhóm trình bày và thảo luận: Đại diện nhóm báo cáo, các nhóm khác bình luận và đóng góp ý kiến.

- Bước 6: Đánh giá và tổng kết: GV đánh giá các ý kiến của các nhóm và cùng các nhóm rút ra kiến thức cần thiết, loại bỏ những kiến thức không chính xác.

Nhìn chung, để tổ chức các hoạt động giải bài toán GV hãy chọn một cách linh hoạt các hình thức hoạt động sao cho phù hợp với kiến thức, mục tiêu dạy học, điều kiện cụ thể. Mặc dù, dạy học theo nhóm thể hiện nhiều ưu điểm nhưng nó cũng bộc lộ một số hạn chế: nhiều em ỉ lại nhóm không làm việc, GV phải chuẩn bị kỹ, tốn nhiều thời gian thiết kế và thực hiện, khó bao quát hết lớp,... Do đó, có thể kết hợp nhiều hình thức tổ chức hoạt động khác nhau trong cùng một tiết dạy học.

3.4. Quản lí hoạt động giải các bài toán

GV cần xây dựng được một ngân hàng hoạt động giải các bài toán phong phú, đa dạng và phù hợp với đối tượng HS. Để có được ngân hàng các bài toán đó thì GV cần sưu tầm các tài liệu như SGK, SGV, phương pháp giảng dạy, các tài liệu về đổi mới phương pháp dạy học,... từ các đồng nghiệp hay tự mình thiết kế các hoạt động giải bài toán.

Khi lựa chọn một hoạt động giải bài toán trên lớp, trước hết GV phải phân chia bài dạy thành các hoạt động cụ thể, xác định rõ nhiệm vụ mục tiêu của từng hoạt động để từ đó lựa chọn hoạt động nào đó có thể sử dụng bài toán. Thêm vào đó, GV cần xác định thời lượng, cơ sở vật chất cần thiết cho hoạt động đó và lựa chọn trong ngân hàng hoạt động các bài toán một cách hợp lí.

Khi lựa chọn một hoạt động giải bài toán từ ngân hàng hoạt động các bài toán, nếu cần thiết GV có thể thay đổi một số yếu tố trở nên thích hợp hơn. Chẳng hạn tăng hay giảm độ khó của hoạt động giải bài toán, thay đổi mục tiêu nhận thức của hoạt động,...

Lựa chọn những hoạt động giải bài toán cho trẻ theo hướng tăng dần độ khó, buộc trẻ phải tìm kiếm phương thức hành động mới để giải quyết nhiệm vụ nhận thức tiếp sau.

3.5. Vận dụng hoạt động giải các bài toán vào các mảng kiến thức toán khác nhau ở Tiểu học

Các hoạt động giải các bài toán có phạm vi sử dụng rộng rãi, tức chúng không chỉ được sử dụng khi dạy học phân số mà còn cho các chủ đề khác như là dạy học số tự nhiên, số thập phân, hình học, thống kê,... Điều này chứng tỏ hoạt động giải các bài toán rất hữu ích trong giảng dạy toán ở bậc tiểu học.

Sau đây là các ví dụ thể hiện “sự phổ dụng” của hoạt động giải bài toán trong các mạch kiến thức khác nhau:

Hoạt động 5: “Tìm số chia”, SGK Toán 3, [5, tr.39]

(1) Bài toán: Lớp 3A có 30 học sinh. Cô giáo chủ nhiệm muốn chia lớp ra thành một số tổ, sao cho mỗi tổ đều có 6 học sinh. Hỏi lớp 3A có bao nhiêu tổ?

(2) Gọi x là số tổ của lớp 3A, khi đó có phép tính: $30 : x = 6$

(3) Hãy dự đoán giá trị của x ?

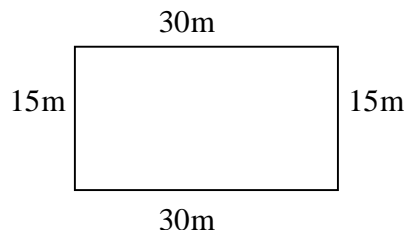
(4) Bằng cách nào có thể tìm được x nhanh chóng và chính xác?

(5) x được gọi là gì trong phép chia trên?

(6) Thử phát biểu quy tắc tìm x :

Hoạt động 6: “Tìm chu vi hình chữ nhật”, SGK Toán 3, [5, tr.87]

(1) Bài toán: Một mảnh đất hình chữ nhật có chiều dài 30m, chiều rộng 15m. Tính chu vi của hình chữ nhật đó. Để trả lời, có thể làm theo các bước như sau:



- Nếu xem hình chữ nhật là một đường gấp khúc khép kín thì chu vi hình chữ nhật bằng...

(2) Vậy chu vi hình chữ nhật là:

$$... + ... + ... + ... = ... (m)$$

(3) Hãy ghi phép tính ở bước 2 một cách ngắn gọn:

(4) Thử phát biểu quy tắc tính chu vi của hình chữ nhật:

Hoạt động 7: “Tìm số trung bình cộng”, SGK Toán 4, [3, tr.27]

Bài toán: Bảng tổng kết điểm Toán thi học kì 1 của 6 bạn ở tổ 1 và 5 bạn ở tổ 2 như sau:

Các tổ	Điểm					
Tổ 1	8	9	10	9	9	9
Tổ 2	10	8	10	7	10	

Hãy cho biết tổ nào có kết quả điểm toán tốt hơn?

Để trả lời, có thể làm theo các bước như sau:

(1) Tính tổng các điểm số trong tổ 1 rồi lấy số đó chia cho 6:

(2) Tính tổng các điểm số trong tổ 2 rồi lấy số đó chia cho 5:

(3) So sánh hai số tìm được ở bước 1 và 2, rồi rút ra kết luận:

(4) Thao tác ở bước 1 và 2 được gọi là tìm số trung bình cộng của nhiều số. Số tìm được được gọi là số trung bình cộng.

(5) Thứ phát biểu quy tắc tìm số trung bình cộng của nhiều số:

4. Kết luận

Hoạt động giải các bài toán không còn đơn thuần là công cụ để kiểm tra, đánh giá mà còn tạo cơ hội cho HS tự mình kiến tạo nên kiến thức mới. Nó đáp ứng được nhu cầu đổi mới phương pháp dạy học trong xu hướng hiện nay. Vì vậy, nên chăng chúng ta cần tăng cường và khai thác hoạt động giải các bài toán trong giảng dạy toán ở nhà trường.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2001,2006), *Chương trình tiểu học*, Nxb Giáo dục.
2. Đỗ Trung Hiệu, Đỗ Đình Hoan, Vũ Dương Thụy, Vũ Quốc Chung (2004), *Giáo trình Phương pháp dạy học môn Toán ở Tiểu học*, Nxb Đại học Sư phạm.
3. Đỗ Đình Hoan (2006), *Toán 4*, Nxb Giáo dục, (SGK hiện hành).
4. Đỗ Đình Hoan (2006), *Toán 4*, Nxb Giáo dục, (SGV hiện hành).
5. Đỗ Đình Hoan (2006), *Toán 3*, Nxb Giáo dục, (SGK hiện hành).
6. Phạm Đình Thực (2003), *Phương pháp dạy học Toán bậc Tiểu học*, Nxb ĐHSPTPHCM.
7. Lê Văn Tiến (2005), *Phương pháp dạy học môn Toán ở trường phổ thông*, Nxb Đại học Quốc gia TP Hồ Chí Minh, TP Hồ Chí Minh.

(Ngày Tòa soạn nhận được bài: 18-7-2012; ngày phản biện đánh giá: 02-12-2012
ngày chấp nhận đăng: 07-01-2013)